



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**  
**(Mã chứng khoán PJT)**  
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM  
ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

---

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

**TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2012**



## Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY	3
I. Thông tin chung	3
II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển	3
III. Định hướng phát triển	5
Phần B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	7
I. Báo cáo của Hội đồng quản trị	6
II. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	9
III. Báo cáo tài chính của Công ty	9
1. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty mẹ (đã kiểm toán)	10
2. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Công ty (đã kiểm toán)	35
IV. Các Công ty có liên quan	57
V. Tổ chức và nhân sự	57
1. Cơ cấu tổ chức Công ty	57
2. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty	57
3. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động	59
VII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty	60
1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	60
2. Thống kê về cổ đông	61



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX  
(Mã chứng khoán PJT)  
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM  
ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

### Phần A. TỔNG QUAN CÔNG TY

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**
- Tên giao dịch đối ngoại: **PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY**
- Tên viết tắt: **PJTACO**
- Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3 899 1101 Fax: (84.8) 3 512 1775
- Email : [pjtaco@pjtaco.com.vn](mailto:pjtaco@pjtaco.com.vn)
- Website: <http://www.pjtaco.com.vn>

#### II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

##### 1) Những sự kiện quan trọng

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông, được thành lập từ cơ sở sáp nhập Xí Nghiệp Sửa chữa tàu Bình Chánh và bộ phận vận tải xăng dầu đường sông của Công ty Vận tải xăng dầu (VITACO) trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, năm 1999 Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông được chuyển thành Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex theo Quyết định số 151/1999/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Công ty là thành viên của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam, hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 13,5 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam góp 30%, phần còn lại là của các cổ đông trong công ty và của các cổ đông khác ở các đơn vị thành viên Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam.

Năm 1999 khi Công ty thành lập, vốn điều lệ là 13,5 tỷ đồng. Với mức vốn này không đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động của công ty, gây không ít khó khăn cho sự phát triển của công ty.

Năm 2003, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 14,596 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 35% vốn điều lệ.

Năm 2004, vốn điều lệ của công ty là 19,370 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Năm 2006, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 35 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Năm 2008, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 70 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 84 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Ngày 28/12/2006 cổ phiếu của Công ty (PJT) được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

## **2 ) Quá trình phát triển :**

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty đã nỗ lực phát triển và duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống như sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông, đồng thời phát triển thêm vận tải xăng dầu ven biển. Đây có thể nói là một bước đi chiến lược của công ty, nhờ đó đã tạo những bước phát triển mạnh cả về quy mô đội vận tải cũng như thị trường vận tải xăng dầu của Công ty:

Năm 2000, Công ty đã đầu tư hoán cải hai tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 750 tấn và 338 tấn;

Năm 2003, tiếp tục đầu tư hoán cải một tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 600 tấn.

Năm 2004 Công ty đầu tư mua một tàu chạy ven biển có trọng tải 700 tấn;

Năm 2006 Công ty đầu tư mua một tàu ven biển trọng tải hơn 2.000 tấn,

Năm 2008 Công ty đầu tư mua 01 tàu ven biển vận chuyển hàng khô có trọng tải 3.242 tấn và 01 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển có trọng tải 1.600 tấn.

Năm 2010 Công ty đầu tư mua 02 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển: Tàu Long Phú 03 trọng tải 1700 DWT và tàu Long Phú 04 có trọng tải 2.800 DWT.

Năm 2011 Công ty bán tàu biển vận tải hàng khô trọng tải 3.242 tấn để tập trung kinh doanh vận tải xăng dầu không tham gia hoạt động vận tải các mặt hàng khác.

Đến nay đội tàu vận chuyển xăng dầu ven biển của Công ty hoạt động đạt hiệu quả cao, đã cho thấy rằng hướng đầu tư phát triển vận tải ven biển của công ty là hợp lý và đúng đắn.

Ngoài ra, để phát triển thị trường vận tải sông và nâng cao chất lượng đội tàu, năm 2003 công ty đã đầu tư mua hai tàu sông có trọng tải 1.000 tấn/ chiếc có chất lượng và tính năng kỹ thuật cao; năm 2006 công ty đầu tư đóng 02 tàu sông trọng tải 1000 tấn/chiếc, năm 2007 công ty đầu tư đóng 01 tàu sông trọng tải 1400 tấn (các tàu đều do Công ty đóng). Năm 2011, Công ty đầu tư mua 01 tàu sông chở xăng dầu, trọng tải 1.200 tấn. Đội tàu sông của Công ty tham gia vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế (Campuchia) mang lại hiệu quả cao, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Bên cạnh việc phát triển về kinh doanh vận tải xăng dầu, công ty tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường sửa chữa tàu-đóng tàu, tăng cường công tác tiếp thị, xây dựng giá thành có tính cạnh tranh đối với các đơn vị khác. Để tăng tính chủ động trong kinh doanh cho Xí



nghiệp Sửa chữa đóng tàu Bình Chánh, công ty đã quyết định nâng cấp từ hạch toán báo số thành hạch toán kế toán phụ thuộc và đổi tên thành Xí nghiệp đóng tàu - thương mại Petrolimex. Năm 2008 thành lập Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex (hoạt động từ 01-01-2008) trên cơ sở Xí nghiệp đóng tàu – thương mại Petrolimex.

Tháng 4/2005, Công ty đầu tư san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng cho khu đất rộng 20.000 m<sup>2</sup> tại Bờ Bể, Phú Xuân, Nhà Bè và thành lập Xưởng Sửa chữa tàu Phú Xuân. Nay là Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên đóng và thương mại Petrolimex, đến nay đã hoạt động ổn định. Năm 2008 Công ty đầu tư xây dựng 01 đường triền tại Xưởng Phú Xuân Nhà Bè để phục vụ cho sửa chữa tàu và đóng tàu và xây dựng Trung tâm xử lý chất thải nhiễm dầu. Hiện nay Công ty đang tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, góp phần vào sự phát triển lĩnh vực sửa chữa tàu-đóng tàu nói riêng và hoạt động kinh doanh của công ty nói chung.

Trên cơ sở Phòng Thương mại, ngày 1/1/2005, Hội đồng quản trị công ty đã ra quyết định thành lập “Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex” hạch toán kế toán phụ thuộc, tháng 08-2006 chuyển thành Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex chuyên kinh doanh xăng dầu, cung cấp xăng dầu cho các tàu vận tải, các hộ công nghiệp và có 3 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Năm 2010 Công ty trả lại mặt bằng, giảm 1 cửa hàng bán lẻ tại quận 9 thành phố Hồ Chí Minh vì không có hiệu quả. Năm 2010, Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex hoạt động thua lỗ, mất vốn vì vậy Hội đồng Quản trị quyết định tạm ngừng các hoạt động kinh doanh, để giải quyết dứt điểm các công nợ, chuyển 2 cửa hàng bán lẻ xăng dầu cho Công ty mẹ quản lý. Đến nay, công nợ cơ bản đã giải quyết xong. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

Hiện nay Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex là Tổng đại lý của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

Là một công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến nhân tố con người, xác định đây là yếu tố quan trọng giúp cho công ty phát triển, tuyển chọn những người có năng lực, trình độ và có tâm huyết với công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, tuyển chọn người có năng lực trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ và công nhân viên của công ty; chăm lo đời sống, điều kiện làm việc của CBCNV, thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ cho người lao động. Đồng thời Công ty luôn nhiệt tình tham gia các công tác xã hội, vì cộng đồng, xã hội.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

#### **- Các mục tiêu chủ yếu của công ty**

Phát triển ngành vận tải xăng dầu đường biển và đường sông nội địa, đường sông quốc tế là mục tiêu chủ yếu của Công ty đồng thời phát triển kinh doanh xăng dầu, kinh doanh sửa chữa tàu - đóng tàu, xử lý chất thải nhiễm dầu.

#### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Định hướng chiến lược phát triển công ty là xây dựng công ty theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

### *Chiến lược phát triển công ty mẹ:*

Định hướng chiến lược phát triển công ty mẹ với các ngành kinh doanh chủ lực là:

Vận tải xăng dầu đường biển nội địa và đường sông nội địa, đường sông quốc tế. Xây dựng và phát triển mô hình công ty hiện nay thành một doanh nghiệp mang tính chuyên nghiệp cao về vận tải xăng dầu đường biển, đường sông nội địa, đường sông quốc tế, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và trở thành doanh nghiệp đứng đầu về vận tải nội địa và Campuchia.

Liên doanh với các tổ chức hoặc cá nhân là đối tác chiến lược về thị trường hàng hóa nội địa và quốc tế để liên kết đầu tư tài sản kinh doanh vận tải nội địa và quốc tế.

Để đáp ứng các yêu cầu về chiến lược phát triển, công ty phải xây dựng chính sách thu hút mời gọi các cổ đông chiến lược về thị trường, quản lý, nhân sự, thương hiệu, tham gia góp vốn/ liên doanh liên kết với công ty mẹ để nâng quy mô của công ty lớn hơn hiện nay. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, trình độ và công nhân có tay nghề cao.

Công ty đã và đang triển khai thực hiện hệ thống quản lý án toàn theo tiêu chuẩn của bộ Luật ISM code của tổ chức hàng hải quốc tế cho toàn bộ đội tàu của Công ty, đáp ứng các yêu cầu quản lý của Nhà nước và của các cảng dầu quốc tế.

### ***Chiến lược phát triển các công ty thành viên:***

Ngành kinh doanh chủ yếu là đóng tàu, sửa chữa tàu, xử lý chất thải nhiễm dầu và các dịch vụ liên quan đến ngành vận tải xăng dầu.

## **Phần B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**

### **I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011:**

Hội đồng Quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2011; 05 phiên họp HĐQT định kỳ và 09 lần lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để có những quyết định đúng đắn, kịp thời, phù hợp tình hình thực tế của Công ty. Hội đồng quản trị luôn tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Các chương trình đã triển khai là:

- Tái cấu trúc và sắp xếp hệ thống nhân sự trong Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy chế quản trị Công ty gồm : Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quy chế quản lý tài chính; Quy hoạch và phát triển đội tàu giai đoạn (2011- 2015); Quy hoạch cán bộ quản lý, điều hành Công ty đến năm 2020.
- Công tác đầu tư:
  - + Đầu tư 01 tàu sông trọng tải 1.120 tấn, giá trị đầu tư 6 tỷ đồng.
  - + Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị, nâng cấp nhà xưởng: 11 tỷ đồng.
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6%;

- Tổ chức hoàn thành các nhiệm vụ khác đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua.
- Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2010	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	TỶ LỆ %	
						TH2011/ KH2011	TH2011/ TH2010
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tr.đồng	84.000	84.000	84.000	100%	100%
2	Tổng doanh thu	"	329.192	436.776	409.487	94%	124%
3	Lợi nhuận trước thuế	"	14.805	16.800	17.613	105%	119%
4	Lợi nhuận sau thuế	"	11.200	12.600	12.557	99,7%	112%
5	Nộp ngân sách	"	9.480	11.460	16.419	143%	173%
6	Thu nhập bình quân	đồng	5.749.124	5.806.615	6.124.773	105%	107%
7	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	1.333	1.500	1.495	99,7%	112%

- Một số tồn tại trong hoạt động của Hội đồng quản trị:
  - + Chậm tiến độ thực hiện dự án đầu tư tàu biển chở xăng dầu có trọng tải từ 5.000 – 12.000 DWT.
  - + Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực mang lại kết quả chưa cao, trình độ năng lực, ngoại ngữ của một bộ phận cán bộ, lao động chưa được cải thiện.

## **2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012 .**

Năm 2012, vẫn sẽ là một năm với nhiều thử thách đối với doanh nghiệp, dự đoán tình hình kinh tế trong nước lãi suất tăng cao, lạm phát, thắt chặt tín dụng...Thị trường và môi trường kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Trong bối cảnh này, Hội đồng Quản trị xác định giải pháp thực hiện

### ***Định hướng kinh doanh:***

- Xác định rõ ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận tải xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy; Xử lý chất thải.
- Nghiên cứu giải pháp xử lý Công ty TNHH 1TV thương mại và vận tải Petrolimex gửi các cơ quan quản lý Nhà nước phê chuẩn theo luật định.

### ***Đối tác chiến lược:***

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam và các đơn vị trong cùng Tập đoàn để đưa Công ty phát triển mạnh cả về lượng và chất.
- Thận trọng trong kinh doanh thương mại, chọn lọc đối tác, khách hàng, đảm bảo có lợi nhuận và an toàn về tài chính.

### ***Nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp:***

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp để hình thành một hệ thống ổn định và vững chắc.

- Đội ngũ quản lý phải tiếp cận những quan điểm, tư tưởng và phương pháp quản trị tiên tiến, hiện đại, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo - quản lý - điều hành, có tầm nhìn chiến lược, tư duy năng động, đổi mới, thích nghi với môi trường để đáp ứng nhiệm vụ chiến lược phát triển của Công ty trong nền kinh tế hội nhập.

**Công tác đầu tư, phát triển công ty:**

- Chủ động điều chỉnh đầu tư theo hướng tối ưu hóa nguồn vốn tự có, hạn chế vay vốn ngân hàng tránh gánh nặng lãi suất.

**Về định hướng tài chính doanh nghiệp**

- Xây dựng một hệ thống tài chính lành mạnh, minh bạch và quản lý rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.
- Đổi mới sắp xếp lại doanh nghiệp, Công ty sẽ tập trung vốn vào ngành kinh doanh chính là: Vận tải xăng dầu.

**Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:**

Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước Cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2012 do Tổng Giám đốc trình với những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2011	KẾ HOẠCH NĂM 2012	TỶ LỆ % KH2012/TH2011
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tr.đồng	84.000	84.000	100,0%
2	Tổng doanh thu	"	409.487	331.288	81,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	"	17.613	17.700	100,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	"	12.557	13.275	106,0%
5	Nộp ngân sách	"	16.419	14.246	87,0%
6	Thu nhập bình quân	đồng	6.124.773	5.850.000	96,0%
7	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	1.495	1.580	106,0%

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban quản lý điều hành định kỳ, đột xuất, chương trình hành động cụ thể về tiêu chí sản lượng, doanh thu, hiệu quả, thu hồi vốn, lợi nhuận.
- Tập trung thực hiện dự án đầu tư tàu biển chở dầu có trọng tải dưới 10.000 DWT để tăng năng lực vận tải và mang lại hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục ứng dụng hệ thống nhận diện thương hiệu Petrolimex, củng cố và phát triển uy tín thương hiệu PJTACO tại Việt Nam và Campuchia.
- Tăng cường công tác bảo đảm an sinh xã hội đối với người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng.

## II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2010
<b>A. Tình hình tài chính</b>			
<b>I. Tổng tài sản</b>	<b>đồng</b>	<b>135.698.632.173</b>	<b>149.329.535.833</b>
1. Tài sản ngắn hạn	"	93.006.553.865	79.466.816.028
2. Tài sản dài hạn	"	42.692.078.308	69.862.719.805
<b>II. Tổng nguồn vốn</b>	<b>"</b>	<b>135.698.632.173</b>	<b>149.329.535.833</b>
III. Nợ phải trả	"	36.240.980.753	47.980.344.057
IV. Vốn chủ sở hữu	"	99.457.651.420	101.349.191.776
<b>B. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>"</b>		
1. Tổng doanh thu	"	409.487.422.979	329.191.702.809
2. Tổng chi phí	"	391.874.114.598	314.386.286.603
2. Tổng lãi (+), lỗ (-)	"	17.613.308.381	14.805.416.206
3. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	"	12.556.543.118	11.199.610.047
<b>C. Các chỉ tiêu đánh giá khác</b>			
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán chung	Lần	3,7	3,1
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,6	2,1
- Khả năng thanh toán nhanh	"	2,19	1,76
<b>2. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,62%	4,67%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	"	3,29%	3,53%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	12,98%	9,91%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	"	9,25%	7,50%
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>"</b>	<b>14,95%</b>	<b>13,33%</b>
<b>3. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/Tổng TS)</b>		<b>0,27</b>	<b>0,32</b>
<b>Tổng số cổ phiếu phổ thông</b>		<b>8.400.000</b>	<b>8.400.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành</b>		<b>8.400.000</b>	<b>8.400.000</b>
<b>Cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>12,0%</b>	<b>10%</b>

## III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại : Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Ngành hoạt động</b>	<b>Vốn điều lệ (Triệu đồng)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu...	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Hiện nay, công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex đang ngừng hoạt động do Công ty này đã có số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2011 vượt quá phần vốn góp của chủ sở hữu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty con đã chuyển hết về Công ty mẹ.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bùi Dũng	Chủ tịch - Đến ngày 26/04/2011
Ông Trần Kỳ Hạnh	Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Phan Văn Kỳ	Phó Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Trần Quang Tuấn	Ủy viên - Đến ngày 26/04/2011
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Đỗ Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Phó Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Lân	Thành viên– Đến ngày 26/04/2011
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên– Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**PHAN VĂN KỶ**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 02 năm 2012



A A S C N

Số: 45./BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011  
của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được lập ngày 25 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

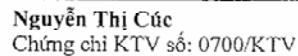
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Lan  
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV



Nguyễn Thị Cúc  
Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	100		<b>77.368.073.400</b>	<b>60.268.083.951</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	<b>44.779.342.844</b>	<b>29.988.680.264</b>
1. Tiền	111		4.594.450.844	2.917.578.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.184.892.000	27.071.102.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>24.739.305.847</b>	<b>26.486.847.383</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.491.103.830	21.975.053.464
2. Trả trước cho người bán	132		544.280.966	945.478.453
3. Các khoản phải thu khác	135	V.02	4.964.921.197	3.797.064.724
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.03	(3.261.000.146)	(230.749.258)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.04	<b>6.858.454.602</b>	<b>3.390.556.304</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.858.454.602	3.390.556.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>990.970.107</b>	<b>402.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.134.350	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		764.835.757	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	170.000.000	402.000.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	200		<b>47.028.917.145</b>	<b>55.675.333.267</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>36.444.416.578</b>	<b>38.826.660.023</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	36.444.416.578	38.826.660.023
- Nguyên giá	222		72.138.754.352	65.593.533.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.694.337.774)	(26.766.873.199)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.07	<b>10.327.802.000</b>	<b>16.548.673.244</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		327.802.000	327.802.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.000.000.000)	(13.779.128.756)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>256.698.567</b>	<b>300.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	300.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.08	246.198.567	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>124.396.990.545</b>	<b>115.943.417.218</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Nợ phải trả</b>	300		<b>25.762.537.650</b>	<b>16.547.589.258</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>25.731.833.856</b>	<b>16.410.176.468</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		14.871.696.561	8.771.780.579
3. Người mua trả tiền trước	313		103.818.546	2.102.000
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.09	1.555.417.950	1.083.204.379
5. Phải trả công nhân viên	315		4.907.006.408	5.442.129.639
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	4.244.268.747	1.028.548.207
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		49.625.664	82.411.664
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>30.703.794</b>	<b>137.412.790</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.703.794	137.412.790
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	400		<b>98.634.452.895</b>	<b>99.395.827.960</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.11	<b>98.634.452.895</b>	<b>99.395.827.960</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	84.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.016.808.590	2.932.263.442
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.538.478.125	2.052.030.276
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.560.499.625	9.892.867.687
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	430		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>124.396.990.545</b>	<b>115.943.417.218</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	12/31/2011	1/1/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		502,029.19	1,447.29
- EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	344.406.028.334	251.707.999.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>344.406.028.334</b>	<b>251.707.999.856</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.02	<b>312.754.073.230</b>	<b>229.854.230.172</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>31.651.955.104</b>	<b>21.853.769.684</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.518.476.195	4.787.005.373
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.332.025.490	4.365.225.705
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.370.284.737	1.475.442.621
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.637.257.062	8.375.603.812
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.830.864.010</b>	<b>12.424.502.919</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.05	5.274.577.292	7.483.267.822
12. Chi phí khác	32	VI.06	3.799.598.173	6.247.510.261
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.474.979.119</b>	<b>1.235.757.561</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.305.843.129</b>	<b>13.660.260.480</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	4.644.799.711	3.075.822.720
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.07	(246.198.567)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.907.241.985</b>	<b>10.584.437.760</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>18.305.843.129</b>	<b>13.660.260.480</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.445.387.354	7.643.483.939
- Các khoản dự phòng	03	9.251.122.132	4.154.428.201
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(763.869.165)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.744.098.005)	(4.728.277.287)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>29.494.385.445</b>	<b>20.729.895.333</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.297.874.511)	(7.506.738.799)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.467.898.298)	(364.766.886)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.659.283.474	6.773.143.005
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	243.865.650	(237.669.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.858.644.763)	(3.745.678.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.025.704.483)	(609.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>25.747.412.514</b>	<b>15.038.335.116</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.063.143.909)	(17.747.121.564)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	3.082.727.272
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.744.098.005	3.091.543.373
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(319.045.904)</b>	<b>(11.572.850.919)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.637.704.030)	(5.616.544.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(10.637.704.030)</b>	<b>(5.616.544.440)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>14.790.662.580</b>	<b>(2.151.060.243)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>29.988.680.264</b>	<b>32.139.740.507</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>44.779.342.844</b>	<b>29.988.680.264</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2011

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại : Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu.	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lái dất tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư – thiết bị phục vụ ngành công – nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 năm
- Phương tiện vận tải	07 -- 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.366.209.216	756.490.471
Tiền gửi ngân hàng	3.228.241.628	2.161.087.793
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	40.184.892.000	27.071.102.000
<b>Cộng</b>	<b>44.779.342.844</b>	<b>29.988.680.264</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	3.030.250.888	3.522.401.504
Phải thu về hao hụt hàng hóa	661.393.445	166.665.503
Phải thu khác	1.273.276.864	107.997.717
<b>Cộng</b>	<b>4.964.921.197</b>	<b>3.797.064.724</b>
<b>3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	VND	VND
Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:		
- Phải thu khác - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (*)	3.030.250.888	-
- Phải thu các đối tượng khác	230.749.258	230.749.258
<b>Cộng</b>	<b>3.261.000.146</b>	<b>230.749.258</b>
<p><i>(*) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cho khoản phải thu khác từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (công ty con thuộc sở hữu 100% của công ty) không có khả năng thu hồi. Đến ngày 31/12/2011, Công ty con này có số lỗ lũy kế đã vượt quá phần vốn góp của chủ sở hữu, hiện công ty con đang ngừng hoạt động.</i></p>		
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.086.606.014	2.962.767.818
Hàng hóa	771.848.588	427.788.486
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>6.858.454.602</b>	<b>3.390.556.304</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.858.454.602	3.390.556.304
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	VND	VND
Tạm ứng	170.000.000	400.500.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.500.000
<b>Cộng</b>	<b>170.000.000</b>	<b>402.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	21.154.700	21.869.489	65.039.910.900	510.598.133	65.593.533.222	
Số tăng trong năm	-	56.860.669	6.488.703.222	62.143.909	6.607.707.800	
- Mua trong năm	-	-	6.001.090.000	62.143.909	6.063.143.909	
- Tăng khác	-	56.860.669	487.703.222	-	544.563.891	
Số giảm trong năm	21.154.700	-	-	41.331.970	62.486.670	
- Thanh lý, nhượng bán	21.154.700	-	-	41.331.970	62.486.670	
Số dư cuối năm	-	78.730.158	71.528.614.122	531.410.072	72.138.754.352	

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	21.154.700	4.556.144	26.355.521.951	385.640.404	26.766.873.199	
Số tăng trong năm	-	67.795.413	8.861.034.666	61.121.166	8.989.951.245	
- Khấu hao trong năm	-	10.934.744	8.373.331.444	61.121.166	8.445.387.354	
- Tăng khác	-	56.860.669	487.703.222	-	544.563.891	
Số giảm trong năm	21.154.700	-	-	41.331.970	62.486.670	
Số dư cuối năm	-	72.351.557	35.216.556.617	405.429.600	35.694.337.774	

**Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

Tại ngày đầu năm	-	17.313.345	38.684.388.949	124.957.729	38.826.660.023	
Tại ngày cuối năm	-	6.378.601	36.312.057.505	125.980.472	36.444.416.578	

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.515.052.048 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

7. Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	327.802.000	327.802.000
+ Đầu tư cổ phiếu Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp - 30.560 cổ phần	327.802.000	327.802.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	(20.000.000.000)	(13.779.128.756)
<b>Cộng</b>	<b>10.327.802.000</b>	<b>16.548.673.244</b>

(\*) Các khoản đầu tư vào công ty con bao gồm:

Tên công ty	31/12/2011		01/01/2011	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	100%	10.000.000.000	100%	10.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000.000</b>		<b>30.000.000.000</b>

(\*\*) Là dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex), số trích lập dự phòng bằng 100% giá trị khoản đầu tư.

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	246.198.567	-
<b>Cộng</b>	<b>246.198.567</b>	<b>-</b>

Chi tiết số dư cuối kỳ như sau:

Một phần Dự phòng phải thu khó đòi Công ty TNHH MTV Thương mại  
và Vận tải Petrolimex

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Thuế suất	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
984.794.266	25%	246.198.567

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	432.489.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.372.344.400	586.189.432
Thuế thu nhập cá nhân	183.073.530	64.524.985
<b>Cộng</b>	<b>1.555.417.930</b>	<b>1.083.204.379</b>
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	625.610.463	441.934.328
Bảo hiểm xã hội	35.923.409	28.492.607
Bảo hiểm y tế	7.023.248	6.051.561
Bảo hiểm thất nghiệp	1.976.176	1.242.559
Cổ tức phải trả	3.102.801.533	300.505.563
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	470.933.918	250.321.589
<b>Cộng</b>	<b>4.244.268.747</b>	<b>1.028.548.207</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	84.000.000.000	518.666.555	2.232.943.569	1.756.202.851	6.674.211.669	
Lợi nhuận tăng trong năm trước					10.584.437.760	
Phân phối lợi nhuận năm trước					(7.365.781.742)	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>			699.319.873		(699.319.873)	
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>				295.827.425	(295.827.425)	
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>					(658.634.444)	
- <i>Chia cổ tức năm trước</i>					(5.712.000.000)	
Tăng(Giảm) khác						
<b>Số dư cuối năm trước</b>	84.000.000.000	518.666.555	2.932.263.442	2.052.030.276	9.892.867.687	
<b>Số dư đầu năm</b>	84.000.000.000	518.666.555	2.932.263.442	2.052.030.276	9.892.867.687	
Lợi nhuận tăng trong năm					13.907.241.985	
Phân phối lợi nhuận					(16.239.610.047)	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>			1.084.545.148		(1.084.545.148)	
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>				486.447.849	(486.447.849)	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài</i>					(220.653.050)	
- <i>chính (a)</i>						
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>					(757.964.000)	
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi(b)</i>					(250.000.000)	
- <i>Chia cổ tức lợi nhuận 2010</i>					(8.400.000.000)	
- <i>Chia cổ tức đợt từ lợi nhuận 2011</i>					(5.040.000.000)	
<b>Số dư cuối năm</b>	84.000.000.000	518.666.555	4.016.808.590	2.538.478.125	7.560.499.625	

(a): Trích chuyển về quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính cho công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Đông tàu và Thương mại Petrolimex)

(b): Trích chuyển về quỹ khen thưởng và phúc lợi cho công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Đông tàu và Thương mại Petrolimex)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	51,21%	43.019.100.000	51,21%	43.019.100.000
Vốn góp của các đối tượng khác	48,79%	40.980.900.000	48,79%	40.980.900.000
<b>Cộng</b>	100%	<b>84.000.000.000</b>	100%	<b>84.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.440.000.000	5.712.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>344.406.028.334</b>	<b>251.707.999.856</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	147.445.118.515	113.365.169.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ	196.960.909.819	138.342.830.187
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	143.699.153.719	111.127.119.901
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	169.054.919.511	118.727.110.271
<b>Cộng</b>	<b>312.754.073.230</b>	<b>229.854.230.172</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.218.436.955	2.220.983.373
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.525.661.050	870.560.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.509.025	1.695.462.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	763.869.165	
<b>Cộng</b>	<b>6.518.476.195</b>	<b>4.787.005.373</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền vay		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.220.871.244	4.154.428.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.154.246	210.797.504
<b>Cộng</b>	<b>6.332.025.490</b>	<b>4.365.225.705</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Thu tiền bán phế liệu	415.973.636	211.954.183
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		3.082.727.272
Thu do khách hàng không đòi	584.152.029	
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	4.089.994.324	4.051.165.897
Thu nhập khác	184.457.303	137.420.470
<b>Cộng</b>	<b>5.274.577.292</b>	<b>7.483.267.822</b>
<b>6. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí bán phế liệu	415.973.636	
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.445.993.358
Chi phí bồi thường, bị phạt	3.370.041.537	4.385.263.908
Chi phí khác	13.583.000	416.252.995
<b>Cộng</b>	<b>3.799.598.173</b>	<b>6.247.510.261</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (a)	4.644.799.711	3.075.822.720
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (b)	(246.198.567)	-
<b>Tổng cộng chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.398.601.144</b>	<b>3.075.822.720</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

*a/ Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.305.843.129	13.660.260.480
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	273.355.716	(1.356.969.606)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.799.016.766	1.864.598.070
+ Chênh lệch vĩnh viễn:		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	814.222.500	1.864.598.070
+ Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
<i>Dự phòng công nợ phải thu khó đòi</i>	984.794.266	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.525.661.050)	(3.221.567.676)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.525.661.050)	(870.560.000)
<i>Chi phí năm trước được khấu trừ năm nay</i>	-	(2.351.007.676)
Tổng lợi nhuận tính thuế	18.579.198.845	12.303.290.874
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.644.799.711	3.075.822.720

*b/ Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:*

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm báo cáo như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Một phần Dự phòng công nợ phải thu khó đòi Công ty TNHH MTV Thương mại và Vận tải Petrolimex	(984.794.266)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(246.198.567)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU**

**ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

Số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.737.084.006	57.546.036.053
Chi phí nhân công	32.935.486.418	26.061.633.443
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.445.387.354	7.643.483.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.520.283.013	35.040.230.604
Chi phí khác bằng tiền	5.424.220.519	2.286.772.665
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.062.461.310</b>	<b>128.578.156.704</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Đơn vị tính: VND*

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu vận tải	153.514.673.867
		Doanh thu bán hàng	7.296.374.591
		Chia cổ tức	2.581.146.000
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Công ty con	Chi phí sửa chữa tàu	6.091.282.487
		Doanh thu cước vận chuyển	1.211.596.715
Thương mại Petrolimex	Công ty con	Chuyển lợi nhuận về cho công ty mẹ	1.470.653.050
		Trích lợi nhuận chuyển về các quỹ cho cty con	220.653.050
		Trích lợi nhuận chuyển về quỹ KT&PL cho cty	250.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.818.182
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Công ty con	Cho mượn tiền	372.170.000

Cho đến ngày 31/12/2011, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu cước vận tải	13.913.798.257
		Cổ tức phải trả	(2.581.146.000)
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Công ty con	Phải trả dịch vụ sửa chữa	(2.284.201.358)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Công ty con	Cho mượn tiền	3.030.250.888

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, và các khoản phúc lợi khác	1.261.879.403	1.536.943.028

**2. Báo cáo bộ phận**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu và dịch vụ vận tải, do đó báo cáo tài chính bộ phận trong năm được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	147.445.118.515	196.960.909.819	344.406.028.334
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Gía vốn	143.699.153.719	169.054.919.511	312.754.073.230
Lợi nhuận gộp	3.745.964.796	27.905.990.308	31.651.955.104
Chi phí bán hàng & CPQL	2.594.541.905	12.412.999.894	15.007.541.799
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.151.422.891	15.492.990.414	16.644.413.305
Doanh thu tài chính			6.518.476.195
Chi phí tài chính			6.332.025.490
Thu nhập khác			5.274.577.292
Chi phí khác			3.799.598.173
CP thuế TNDN			4.398.601.144
Tổng lợi nhuận sau thuế			13.907.241.985

*Đơn vị tính: VND*

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	5.882.040.105	102.627.847.017	108.509.887.122
Các khoản đầu tư			10.327.802.000
Tài sản không phân bổ			5.559.301.423
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>124.396.990.545</b>
Nợ phải trả bộ phận	4.976.763.740	14.585.292.839	19.562.056.579
Nợ phải trả không phân bổ			6.200.481.071
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>25.762.537.650</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	113.365.169.669	138.342.830.187	251.707.999.856
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
Gia vốn	111.127.119.901	118.727.110.271	229.854.230.172
Lợi nhuận gộp	<b>2.238.049.768</b>	<b>19.615.719.916</b>	<b>21.853.769.684</b>
Chi phí bán hàng & CPQL	1.475.442.621	8.375.603.812	9.851.046.433
Kết quả hoạt động kinh doanh	762.607.147	11.240.116.104	12.002.723.251
Doanh thu tài chính			4.787.005.373
Chi phí tài chính			4.365.225.705
Thu nhập khác			7.483.267.822
Chi phí khác			6.247.510.261
CP thuế TNDN			3.075.822.720
Tổng lợi nhuận sau thuế			10.584.437.760

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	6.418.043.926	86.368.578.284	92.786.622.210
Các khoản đầu tư			16.548.673.244
Tài sản không phân bổ			6.608.121.764
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>115.943.417.218</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.744.723.305	11.988.336.648	13.733.059.953
Nợ phải trả không phân bổ			2.814.529.305
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>16.547.589.258</b>

**b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU  
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX  
Số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

---

### MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 -- 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con được hợp nhất :

<b>Tên công ty</b>	<b>Ngành hoạt động</b>	<b>Vốn điều lệ (Triệu đồng)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu...	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bùi Dũng	Chủ tịch – Đến ngày 26/04/2011
Ông Trần Kỳ Hạnh	Chủ tịch – Bỏ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Phan Văn Kỳ	Phó Chủ tịch – Bỏ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Trần Quang Tuấn	Ủy viên – Đến ngày 26/04/2011
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Ủy viên – Bỏ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Đỗ Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Phó Tổng Giám đốc



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Lân	Thành viên– Đến ngày 26/04/2011
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên– Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**PHAN VĂN KỶ**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 02 năm 2012

B A C N

Số : 48 BCKTHN/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011  
của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được lập ngày 27 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan  
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Nguyễn Thị Cúc  
Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	100		<b>93.006.553.865</b>	<b>79.466.816.028</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	<b>50.562.420.117</b>	<b>37.429.587.607</b>
1. Tiền	111		6.337.528.117	4.444.485.607
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.224.892.000	32.985.102.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120			-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>26.750.279.509</b>	<b>26.994.430.057</b>
1. Phải thu khách hàng	131		25.067.851.426	26.312.430.584
2. Trả trước cho người bán	132		625.280.966	2.165.478.453
3. Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.940.618.343	293.496.128
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(883.471.226)	(1.776.975.108)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.03	<b>14.087.449.076</b>	<b>13.904.637.016</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.095.763.672	13.912.951.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.314.596)	(8.314.596)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>1.606.405.163</b>	<b>1.138.161.348</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		192.497.986	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		765.441.183	61.294.303
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.04	253.866.325	482.646.845
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	394.599.669	594.220.200
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	200		<b>42.692.078.308</b>	<b>69.862.719.805</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210			-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>42.353.776.308</b>	<b>69.234.917.805</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	42.353.776.308	69.212.901.182
- Nguyên giá	222		81.325.691.909	102.870.360.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.971.915.601)	(33.657.459.482)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	22.016.623
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240			-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.07	<b>327.802.000</b>	<b>327.802.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		327.802.000	327.802.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>10.500.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	300.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>135.698.632.173</b>	<b>149.329.535.833</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. Nợ phải trả</b>	300		<b>36.240.980.753</b>	<b>47.980.344.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>36.043.324.739</b>	<b>37.318.322.225</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	-	3.695.473.553
2. Phải trả cho người bán	312		19.950.079.693	14.211.524.465
3. Người mua trả tiền trước	313		3.275.070.891	8.727.755.954
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.09	2.801.818.019	1.831.275.647
5. Phải trả công nhân viên	315		5.523.135.121	5.917.679.564
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	4.445.202.018	2.846.408.045
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		48.018.997	88.204.997
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>197.656.014</b>	<b>10.662.021.832</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	-	10.417.400.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		197.656.014	244.621.832
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	400		<b>99.457.651.420</b>	<b>101.349.191.776</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.12	<b>99.457.651.420</b>	<b>101.349.191.776</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	84.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	119.474
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.716.447.655	3.484.782.110
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.705.994.092	2.146.013.590
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.516.543.118	11.199.610.047
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>135.698.632.173</b>	<b>149.329.535.833</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	381.650.650.447	317.355.223.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>381.650.650.447</b>	<b>317.355.223.475</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	346.477.957.364	290.338.969.048
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>35.172.693.083</b>	<b>27.016.254.427</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.758.379.226	4.249.128.318
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	111.154.246	2.242.060.409
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.031.262.905
8. Chi phí bán hàng	24		2.370.284.737	3.037.458.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.901.489.031	12.281.267.885
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>26.548.144.295</b>	<b>13.704.595.673</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.05	22.078.393.306	7.587.351.016
12. Chi phí khác	32	VI.06	31.013.229.220	6.486.530.483
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(8.934.835.914)</b>	<b>1.100.820.533</b>
<b>14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>41</b>			
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.613.308.381</b>	<b>14.805.416.206</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	5.056.765.263	3.605.806.159
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.556.543.118</b>	<b>11.199.610.047</b>
<i>18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>				
<i>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>			12.556.543.118	11.199.610.047
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.08	<b>1.495</b>	<b>1.333</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.613.308.381	14.805.416.206
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.370.811.488	10.639.043.408
- Các khoản dự phòng	03	(893.503.882)	137.781.154
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(763.869.165)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.876.293.225	(4.139.058.957)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.031.262.905
<b>3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>31.203.040.047</b>	<b>23.474.444.716</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.625.777.766	(1.705.125.358)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(182.812.060)	(279.746.952)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.080.561.780)	11.562.025.757
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	107.502.014	110.331.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.031.262.905)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.424.178.843)	(4.385.553.880)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		102.002.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.014.874.598)	(2.340.626.950)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>26.233.892.546</b>	<b>24.506.487.428</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.333.710.816)	(15.646.741.941)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	15.000.000.000	3.037.249.173
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.983.228.363	2.553.666.318
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>11.649.517.547</b>	<b>(10.055.826.450)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.112.873.553)	(6.387.126.447)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.637.704.030)	(5.616.544.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(24.750.577.583)</b>	<b>(12.003.670.887)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>13.132.832.510</b>	<b>2.446.990.091</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>37.429.587.607</b>	<b>34.982.478.042</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	119.474
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>50.562.420.117</b>	<b>37.429.587.607</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2011

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vítaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTg ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex	Kinh doanh, vận tải xăng dầu...	20.000	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư – thiết bị phục vụ ngành công – nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của công ty tại đơn vị được đầu tư.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 năm
- Phương tiện vận tải	07 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ

theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.456.749.619	883.116.280
Tiền gửi ngân hàng	4.880.778.498	3.561.369.327
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	44.224.892.000	32.985.102.000
<b>Cộng</b>	<b>50.562.420.117</b>	<b>37.429.587.607</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu về hao hụt hàng hóa	661.393.445	166.665.503
Phải thu khác	1.279.224.898	126.830.625
<b>Cộng</b>	<b>1.940.618.343</b>	<b>293.496.128</b>
3. Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.286.205.562	5.110.886.846
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.037.709.522	8.374.276.280
Hàng hóa	771.848.588	427.788.486
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>14.095.763.672</b>	<b>13.912.951.612</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.314.596)	(8.314.596)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	14.087.449.076	13.904.637.016
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	236.518.351	473.130.370
Thuế thu nhập cá nhân	17.347.974	9.516.475
<b>Cộng</b>	<b>253.866.325</b>	<b>482.646.845</b>
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	394.599.669	592.720.200
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.500.000
<b>Cộng</b>	<b>394.599.669</b>	<b>594.220.200</b>

**CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU  
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**  
Số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
Số dư đầu năm	768.859.749	1.461.502.436	96.417.286.225	600.077.317	3.622.634.937	102.870.360.664	
Số tăng trong năm	-	-	6.001.000.000	73.343.909	2.279.383.530	8.355.727.439	
- Mua trong năm	-	-	6.001.000.000	73.343.909	-	6.076.343.909	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	2.279.383.530	2.279.383.530	
Số giảm trong năm	21.154.700	-	29.837.909.524	41.331.970	-	29.900.396.194	
- Thanh lý, nhượng bán (*)	21.154.700	-	29.837.909.524	41.331.970	-	29.900.396.194	
Số dư cuối năm	747.705.049	1.461.502.436	72.580.376.701	634.089.256	5.902.018.467	81.325.691.909	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	281.457.569	566.689.099	31.256.227.024	468.372.369	1.084.713.421	33.657.459.482	
Số tăng trong năm	125.651.872	233.589.076	8.471.297.663	71.168.385	469.104.492	9.370.811.488	
- Khấu hao trong năm	125.651.872	233.589.076	8.471.297.663	71.168.385	469.104.492	9.370.811.488	
Số giảm trong năm	21.154.700	-	3.993.868.699	41.331.970	-	4.056.355.369	
- Thanh lý, nhượng bán (*)	21.154.700	-	3.978.387.936	41.331.970	-	4.040.874.606	
- Giảm khác	-	-	15.480.763	-	-	15.480.763	
Số dư cuối năm	385.954.741	800.278.175	35.733.655.988	498.208.784	1.553.817.913	38.971.915.601	
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>							
Tại ngày đầu năm	487.402.180	894.813.337	65.161.059.201	131.704.948	2.537.921.516	69.212.901.182	
Lại ngày cuối năm	361.750.308	661.224.261	36.846.720.713	135.880.472	4.348.200.554	42.353.776.308	

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7.196.397.354 đồng

(\*) Trong năm, Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Petrolimex đã bán tài sản PJT 17 theo quyết định số 0339/QĐ-HDQT ngày 19/04/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>7. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư dài hạn khác	327.802.000	327.802.000
+ Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đông Tháp – 30.560 cổ phần	327.802.000	327.802.000
<b>Cộng</b>	<b>327.802.000</b>	<b>327.802.000</b>
<b>8. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	3.695.473.553
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.695.473.553</b>
<b>9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng dầu ra	811.839.981	1.060.715.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.397.349.510	705.387.451
Thuế thu nhập cá nhân	183.073.530	65.172.301
Các loại thuế khác	409.554.998	-
<b>Cộng</b>	<b>2.801.818.019</b>	<b>1.831.275.647</b>
<b>10. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	702.172.215	505.422.635
Bảo hiểm xã hội	93.660.557	36.698.846
Bảo hiểm y tế	33.661.977	21.381.576
Bảo hiểm thất nghiệp	6.715.262	1.242.559
Cổ tức phải trả	3.102.801.533	300.505.563
Phải trả thuế TNCN	-	56.515.530
Phải trả Phạm Văn Nam	-	156.392.200
Phải trả Nguyễn Việt Hùng	-	1.555.675.540
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	506.190.474	212.573.596
<b>Cộng</b>	<b>4.445.202.018</b>	<b>2.846.408.045</b>
<b>11. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	-	10.417.400.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.417.400.000</b>

**CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU**

Số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	
	Số dư đầu năm trước	Quỹ đầu tư phát triển	
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	1.785.996.947	7.934.059.555
Tăng vốn trong năm trước			11.199.610.047
Lãi trong năm trước			(7.934.059.555)
Phân phối lợi nhuận			(998.002.968)
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>		360.016.643	(360.016.643)
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>			(864.039.944)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>			(5.712.000.000)
- <i>Chia cổ tức năm trước</i>			
Tăng/(Giảm) khác			643.414.769
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>2.146.013.590</b>	<b>11.199.610.047</b>
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	2.146.013.590	11.199.610.047
Tăng vốn trong năm			12.556.543.118
Lợi nhuận tăng trong năm			(16.239.610.047)
Phân phối lợi nhuận			(1.231.665.545)
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>		539.980.502	(539.980.502)
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>			(1.007.964.000)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>			(8.400.000.000)
- <i>Chia cổ tức năm 2010</i>			(5.040.000.000)
- <i>Chia cổ tức năm 2011</i>			
Tăng/(Giảm) khác			(119.474)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>2.705.994.092</b>	<b>7.516.543.118</b>

**b) Chỉ tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
	VND	VND		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	43.019.100.000	43.019.100.000	51,21%	51,21%
Vốn góp của các đối tượng khác	40.980.900.000	40.980.900.000	48,79%	48,79%
<b>Cộng</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>381.650.650.447</b>	<b>317.355.223.475</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	147.729.108.004	152.494.588.603
Doanh thu cung cấp dịch vụ	233.921.542.443	164.860.634.872
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	143.983.516.767	147.475.044.392
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	202.494.440.597	142.863.924.656
<b>Cộng</b>	<b>346.477.957.364</b>	<b>290.338.969.048</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.928.220.363	2.523.106.318
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.008.000	30.560.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.281.698	1.695.462.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	763.869.165	-
<b>Cộng</b>	<b>5.758.379.226</b>	<b>4.249.128.318</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

4. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	-	2.031.262.905
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.154.246	210.797.504
<b>Cộng</b>	<b>111.154.246</b>	<b>2.242.060.409</b>
5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bán phế liệu	415.973.636	78.704.364
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD	15.000.000.000	3.037.249.173
Thu do khách hàng không đòi	584.152.029	
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	4.089.994.324	4.051.165.897
Thu tiền phạt khách hàng	165.000.000	
Thu nhập khác	1.823.273.317	420.231.582
<b>Cộng</b>	<b>22.078.393.306</b>	<b>7.587.351.016</b>
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán phế liệu	415.973.636	
Giá trị còn lại của TSCD thanh lý	25.859.521.588	1.451.856.534
Chi phí bồi thường	3.370.041.537	4.385.263.908
Các khoản phạt vi phạm	1.278.624.479	-
Chi phí khác	89.067.980	649.410.041
<b>Cộng</b>	<b>31.013.229.220</b>	<b>6.486.530.483</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.613.308.381	14.805.416.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.077.516.711	(392.358.841)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.132.524.711	1.989.208.835
+ Chi phí không được khấu trừ	1.132.524.711	1.989.208.835
- Các khoản điều chỉnh giảm	55.008.000	(2.381.567.676)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.008.000	(30.560.000)
+ Chi phí các năm trước được khấu trừ năm nay		(2.351.007.676)
Tổng lợi nhuận tính thuế	18.690.825.092	14.413.057.365
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.056.765.263	3.605.806.159

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.556.543.118	11.199.610.047
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	12.556.543.118	11.199.610.047
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.495</u>	<u>1.333</u>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.719.740.388	76.589.959.041
Chi phí nhân công	40.779.336.519	36.350.395.328
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.370.811.488	10.639.043.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.721.916.176	41.627.662.673
Chi phí khác bằng tiền	1.837.843.036	3.367.592.584
<b>Tổng cộng</b>	<u>213.429.647.607</u>	<u>168.574.653.034</u>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			Giá trị giao dịch
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu vận tải	153.514.673.867
		Doanh thu bán hàng	7.296.374.591
		Chia cổ tức	2.581.146.000

Cho đến ngày 31/12/2011, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			Giá trị khoản phải thu/ (phải trả)
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	13.913.798.257
		Cổ tức phải trả	(2.581.146.000)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng, và các khoản phúc lợi khác	1.438.065.366	1.728.626.695

**2. Báo cáo bộ phận**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải và dịch vụ sửa chữa, do đó báo cáo tài chính bộ phận trong năm được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

*Đơn vị tính: Ngân VND*

	Kinh doanh Xăng dầu (*)	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	147.445.119	196.960.910	44.729.319	389.135.348
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(1.393.415)	(6.091.282)	(7.484.697)
Gía vốn	143.699.154	167.827.842	34.950.962	346.477.957
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.745.965</b>	<b>27.739.653</b>	<b>3.687.075</b>	<b>35.172.693</b>
Chi phí bán hàng & CPQL	2.594.542	8.787.270	2.889.962	14.271.774
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.151.423	18.952.383	797.113	20.900.919
Doanh thu tài chính				5.758.379
Chi phí tài chính				111.154
Thu nhập khác				22.078.393
Chi phí khác				31.013.229
CP thuế TNDN				5.056.765
Tổng lợi nhuận sau thuế				12.556.543

(\*) Hoạt động kinh doanh xăng dầu năm nay giảm 3% so với năm trước do từ tháng 08 năm 2010 Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex đã ngừng hoạt động và chuyển hết hoạt động kinh doanh sang Công ty mẹ.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

*Đơn vị tính: Ngân VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	6.176.017	102.381.649	21.243.963	129.801.629
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				5.569.201
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>135.698.632</b>
Nợ phải trả bộ phận	4.996.764	14.585.293	8.845.764	28.427.821
Nợ phải trả không phân bổ				7.813.160
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>36.240.981</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

*Đơn vị tính: Ngân VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	223.237.173	138.931.323	33.100.835	395.269.331
Doanh thu giữa các bộ phận	(71.534.179)	(695.450)	(5.684.478)	(77.914.108)
Gía vốn	146.682.386	120.803.730	22.852.853	290.338.969
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>5.020.608</b>	<b>17.432.142</b>	<b>4.563.504</b>	<b>27.016.254</b>
Chi phí bán hàng & CPQL	3.745.260	8.375.604	3.197.863	15.318.727
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.275.348	9.056.538	1.365.641	11.697.528
Doanh thu tài chính				4.249.128
Chi phí tài chính				2.242.060
Thu nhập khác				7.587.351
Chi phí khác				6.486.530
CP thuế TNDN				3.605.806
Tổng lợi nhuận sau thuế				11.199.610

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:**

*Đơn vị tính: Ngân VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	7.367.507	112.845.249	25.156.589	145.369.345
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				3.632.389
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>149.329.536</b>
Nợ phải trả bộ phận	16.736.127	14.585.293	8.845.764	40.167.184
Nợ phải trả không phân bổ				7.813.160
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>47.980.344</b>

**b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**3. Số liệu so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012

#### IV. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam chuyển đổi mô hình hoạt động thành Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,21 % Vốn điều lệ của Công ty.

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên quan: Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam nắm giữ 51,21 % Vốn điều lệ, là Tập đoàn đa ngành nghề, chiếm hơn 50% thị phần xăng dầu tại Việt Nam.

#### V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

##### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.

Hiện nay cơ cấu tổ chức công ty gồm: Công ty mẹ và 02 Công ty con: Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex và Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex.

**Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên :**

**Ông PHAN VĂN KỶ** : Tổng Giám đốc điều hành Công ty

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 12-09-1957  
Nơi sinh : Hà Tĩnh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh  
Địa chỉ thường trú : 95/40 Lê Văn Sĩ, P.13, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM  
Số điện thoại liên lạc : 35121780  
Trình độ văn hóa : Đại học  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
Quá trình công tác :  
- 3/1975 – 5/1981 : Quân nhân, công tác tại hạm đội 171 Hải quân.  
- 6/1981 – 9/1999 : Sĩ quan hàng hải, Trưởng phòng kinh doanh  
Xí nghiệp đường sông Công ty VITACO.  
- 10/1999 đến 4/2002 : Phó Giám đốc Công ty.  
- 4/2002 đến nay : Tổng Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Vận tải  
Xăng dầu đường thủy Petrolimex.  
Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

**Bà ĐẶNG THỊ XUÂN HUƠNG:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty mẹ, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex (Công ty con)

Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 03/03/1968

Nơi sinh : Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Thuận An, Bình Dương  
 Địa chỉ thường trú : 81/9 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP HCM  
 Số điện thoại liên lạc : 38405249, 0903625165  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác :  
     - 1990 đến 1995 : Công tác tại Phòng kế toán Xí nghiệp sữa chữa thuộc Công ty VITACO  
     - 1995 đến 1999 : Công tác tại Phòng kế toán Xí nghiệp vận tải xăng dầu đường sông thuộc Công ty VITACO  
     - 1999 đến 12/2009 : Trưởng Phòng Kế toán tài vụ- Kế toán trưởng Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex  
     - 12/2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Cty  
 Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Chủ tịch Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải Petrolimex.  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

**Ông ĐỖ VĂN LONG:** Thành viên HĐQT – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại Petrolimex (Công ty con).

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 25-06-1962  
 Nơi sinh : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên  
 Địa chỉ thường trú : 8A/A17 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM  
 Số điện thoại liên lạc cơ quan : 37266326 - 0903918047  
 Trình độ học vấn : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư đóng tàu thủy  
 Quá trình công tác :  
     - 1987 - 1989 : Tổ phó tổ thợ hàn  
     - 1989 – 1992 : Kỹ sư - Chủ nhiệm công trình  
     - 1992 – 1999 : Quản đốc Xưởng Phú Xuân  
     - 1999 – 2002 : Quản đốc Xưởng Bình Chánh  
     - 2002 – 2007 : Giám đốc XN Đóng tàu – Thương mại

Petrolimex

- 2008 – nay : Giám đốc Công ty TNHH một thành viên  
đóng tàu và thương mại Petrolimex.

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT CTCP PJTACO, Chủ tịch  
kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

### **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:**

Tiền lương: Trả lương theo hệ số chức danh (quy định chức danh của Nhà Nước) và theo kết quả kinh doanh của Công ty.

Tiền thưởng: Tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng của công ty do HĐQT quyết định.

Các quyền lợi khác: Ban Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT được hưởng mức thù lao của thành viên HĐQT do Đại Hội đồng cổ đông quyết định hàng năm.

### **2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2010: 453 người

Chính sách đối với cán bộ, nhân viên: Thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người theo quy định của Nhà Nước và thu nhập của người lao động được trả theo năng suất lao động.

### **3. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:**

#### **3.1. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị:**

- Ông **Nguyễn Bùi Dũng** thôi giữ chức Chủ tịch Hội Đồng quản trị không tham gia ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 4 đề nghị hưu theo chế độ.
- Ông **Trần Quang Tuấn** thôi làm thành viên HĐQT do không tham gia ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 4.
- Ông **Trần Kỳ Hạnh**: trúng cử Thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 bầu và Hội đồng quản trị nhất trí bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Bà **Đặng Thị Xuân Hương** : Trúng cử Thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 bầu.

#### **3.2. Thay đổi Ban Kiểm soát:**

- Ông **Nguyễn Văn Lâm** thôi giữ chức thành viên Ban Kiểm soát do hết nhiệm kỳ 3 và không tham gia ứng cử nhiệm kỳ 4.
- Ông **Nguyễn Duy Hải** tham gia ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 4 và trúng cử.

#### **3.3. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc:**

- Ông **Trần Quang Tuấn** tạm nghỉ chức danh Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong thời gian 6 tháng để chữa bệnh kể từ tháng 8/2010, đến hết thời hạn 6 tháng. Ông Tuấn xin nghỉ việc.

## VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

#### 1.1. Thành viên HĐQT: 05 người:

- Ông Trần Kỳ Hạnh : Chủ tịch HĐQT- tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%
- Ông Phan Văn Kỳ : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,29%
- Ông Nguyễn Quang Hiếu: Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%
- Ông Đỗ Văn Long : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,33%
- Số thành viên HĐQT độc lập không điều hành: 02 người là Ông Trần Kỳ Hạnh và Ông Nguyễn Quang Hiếu
  - + Ông Trần Kỳ Hạnh là Trưởng nhóm đại diện phần vốn đầu tư của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
  - + Ông Nguyễn Quang Hiếu hiện nay là Trưởng Phòng Hàng hải Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn góp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
- Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT: Hoàn thành tốt trách nhiệm được giao.
- Các tiểu ban trong HĐQT: Công ty không thành lập tiểu ban giúp việc, Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy quản lý của Công ty mẹ và Thư ký Công ty thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT giao.
- Quyền lợi của thành viên HĐQT: không có giao dịch kinh doanh với Công ty.

#### 1.2. Thành phần Ban Kiểm Soát: 03 người trong đó 02 người không tham gia điều hành.

- Ông Nguyễn Tiến Dũng : Trưởng ban
- Ông Phạm Ngọc Sinh : Kiểm soát viên
- 01 người tham gia bộ máy quản lý của Công ty là Ông Nguyễn Duy Hải : Kiểm soát viên, Trưởng phòng vận tải biển của Công ty.
- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp, thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty; Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có ý kiến đề xuất kịp thời cho Hội đồng quản trị.

#### 1.3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản trị công ty và các quy chế, quy định định mức khác để điều hành hoạt động trong toàn công ty và kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.
- Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2011:

#### 1.4. Quyết toán trả tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao năm 2011 (đồng)	Thời gian giữ chức vụ
<b>I</b>	<b><u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></b>			
01	TRẦN KỲ HẠNH	CT.HĐQT	45.768.347	Từ tháng 5-12/2011
02	PHAN VĂN KỲ	TVHĐQT	54.662.361	Từ tháng 1-12/2011
03	NGUYỄN QUANG HIẾU	TVHĐQT	54.662.361	Từ tháng 1-12/2011
04	ĐỖ VĂN LONG	TVHĐQT	54.662.361	Từ tháng 1-12/2011



05	ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG	TV HĐQT	36.614.677	Từ tháng 5-12/2011
06	TRẦN QUANG TUẤN	TV HĐQT	18.047.684	Từ tháng 1 - 4/2011
<i>Cộng HĐQT</i>			<b>264.417.791</b>	
<b>I</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
01	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Trưởng BKS	54.662.361	Từ tháng 1-12/2011
02	PHẠM NGỌC SINH	TV BKS	34.163.978	Từ tháng 1-12/2011
03	NGUYỄN DUY HẢI	TV BKS	22.884.174	Từ tháng 5-12/2011
04	NGUYỄN VĂN LÂN	TV BKS	11.279.804	Từ tháng 1 - 4/2011
<i>Cộng BKS</i>			<b>122.990.317</b>	
<b>Tổng cộng</b>			<b>387.408.108</b>	

- Về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT: Không giao dịch số cổ phiếu đã niêm yết.
- Số lượng người có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty do UBCK NN cấp: 02  
Ông Đỗ Văn Long: Thành viên Hội đồng quản trị  
Bà Đặng Thị Xuân Hương: Phó Tổng Giám đốc
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT không thay đổi
- Về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành: Không giao dịch số cổ phiếu đã niêm yết.
- Về hợp đồng giao dịch với Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành và người liên quan: Không có hợp đồng.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Cổ đông nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,21% vốn điều lệ; năm 2011 không thay đổi tỷ lệ góp vốn.
- Tình hình giao dịch của cổ đông lớn: không giao dịch

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.

CÔNG TY CP VTXD ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

CHỦ TỊCH HĐQT



TRẦN KỶ HẠNH